TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
------	----------
Số: **85** /2017/QĐST- DSST	*Sơn Trà, ngày 01 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2017/TLST-DSST ngày 03 tháng 4 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm vào điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 10 đường H, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

* *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Văn S** , sinh năm 1991

Địa chỉ: Phòng 103 -2A khu chung cư 7 tầng làng cá N, quận S, TP Đà Nẵng.

* *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1961. Trú tại : Số 06 N, quận S, TP Đà Nẵng.

2. Ông Trần Ư, sinh năm 1963. Trú tại : tổ 131 phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1965. Trú tại : Phòng 603 Chung cư Làng cá N, quận S, TP Đà Nẵng.

4. ông Trần T. Sinh năm : 1969 , trú tại : Phòng 206 Chung Cư Làng cá phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

5. bà Trần Thị Đ. Sinh năm : 1972, trú tại Số 135 H, phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

6. bà Trần Thị H . Sinh năm : 1983

7. Ông Trần Thanh Th. Sinh năm : 1984

8. ông Trần Thanh L. Sinh năm : 1986

9. ông Trần Thanh H. Sinh năm: 1991

10. ông Trần Thanh C. Sinh năm : 1995

Cùng trú tại : Khu chung cư D1 phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

11. bà Đặng Thị S. Sinh năm : 1993, trú tại: Phòng 103 -2A Chung cư làng cá 7 tầng phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

Các ông Lê Văn T, Trần Văn S , bà Trần Thị D, ông Trần Ư, bà Trần Thị C, ông Trần T, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị H , ông Trần Thanh Th, ông Trần Thanh L, ông Trần Thanh H, ông Trần Thanh C, bà Trần Thị H thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Đoàn Thị M còn lại là: ông Lê Văn T, ông Trần Ư, ông Trần T, ông Trần Văn D (chết có 05 người con là chị Trần Thị H , anh Trần Thanh Th, anh Trần Thanh L, anh Trần Thanh H, anh Trần Thanh C- thừa kế thế vị phần của ông Trần Văn D), Trần Thị D, Trần Thị C, Trần Thị Đ. Ngoài ra bà M không còn cha mẹ, không có con chung, con riêng nào khác.

Di sản thừa kế mà bà M để lại là trị giá ½ căn chung cư có địa chỉ : Phòng 103-2A khu chung cư 7 tầng Làng cá N, phường N, quận S, TP Đà Nẵng có giá do các đương sự tự thỏa thuận là 150.000.000đ.(Một trăm năm mươi triệu đồng y).

Phần di sản thừa kế của ông Trần T1 các đồng thừa kế của ông T gồm ông Trần Ư, ông Trần T, ông Trần Văn D (có 05 người con là chị Trần Thị H , anh Trần Thanh Th, anh Trần Thanh L, anh Trần Thanh H, anh Trần Thanh C- thừa kế thế vị của ông Trần Văn D), Trần Thị D, Trần Thị C, Trần Thị Đ không có tranh chấp và thống nhất thỏa thuận giao cho ông Trần Ư được sở hữu, quản lý, sử dụng.

Giao cho ông Trần Ư được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng di sản là căn nhà chung cư có địa chỉ : Phòng 103-2A khu chung cư 7 tầng Làng cá N, phường N, quận S đã được cấp giấy chứng nhận số BG 656625 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/8/2012 đứng tên ông Trần T1 và bà Đoàn Thị M.

Ông Trần Ư phải có trách nhiệm thối trả kỷ phần thừa kế cho ông Lê Văn T số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng y). Thời gian thối trả chậm nhất đến ngày 23/9/2017

Đối với kỷ phần thừa kế mà các ông Trần T, ông Trần Văn D (có 05 người con là chị Trần Thị H , anh Trần Thanh Th, anh Trần Thanh L, anh Trần Thanh H, anh Trần Thanh C- thừa kế thế vị của ông Trần Văn D), bà Trần Thị D, bà Trần Thị C, bà Trần Thị Đ được hưởng từ việc chia di sản của bà Đoàn Thị M các ông bà có tên trên thống nhất cho ông Trần Ư. Không yêu cầu ông Ư phải có nghĩa vụ thối trả cho họ. Do đó trị giá phần di sản mà ông Trần Ư được hưởng là 120.000.000đ

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Ư có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí DSST: 750.000đ Ông Lê Văn T tự nguyện chịu. Ông T đã nộp **5.000.000đ** tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001633 ngày 28 tháng 3 năm

2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà. Hoàn trả lại cho ông T số tiền : 4.250.000đ.

Án phí DSST 3.000.000đ ông Trần Ư tự nguyện chịu.

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Lê Văn T tự nguyện chị, đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- *VKSND quận S;*
- *Chi cục THADS quận S;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

HỒ THỊ MỸ DUNG